| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THANH HOÁ**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 102/2020/HS - ST
Ngày: 11- 5- 2020

**NHÂN DANH**
**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Thủy
*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
Bà Nguyễn Thị Huệ
***- Th□ ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Tòa án TP Thanh Hoá.
***- Đại diện VKSND Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà:***
Bà Ninh Thị Tám - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 111/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST - HS ngày 24/4/2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn T -** sinh ngày 02/01/2003 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: phố Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T và bà: Nguyễn Thị N; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 27/4/2020 bị Công an thành phố Thanh Hóa khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo tại ngoại, "có mặt".

*Người bào chữa* cho bị cáo: Bà Lê Thu H - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa.

***Bị hại***: Chị Trịnh Thị K - SN 1979 "vắng mặt'
Trú tại: chung cư P, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10h ngày 23/01/2020, Nguyễn Văn T đến nhà chị Trịnh Thị K để mượn xe máy của Trịnh Ngọc Q là con trai chị K. Đến nơi, T gọi nhưng không thấy ai trả lời, nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T dùng chìa khóa có sẵn từ trước mở cửa vào bên trong. T đi lại phòng ngủ của Q lấy được 45.000đ đang để

trên bàn học bỏ vào túi quần rồi quay sang nóc tủ lấy chiếc va ly nhựa mang ra hành lang lục soát nhưng không thấy gì. Tiếp tục, T đi vào phòng ngủ của chị K thấy chiếc két sắt mini Việt Tiệp màu xanh rêu đang để dưới đuôi giường, T lấy chiếc chăn lông màu đỏ trên giường lót dưới chiếc két sắt kéo ra ngoài cầu thang bộ tầng 12A sau đó quay vào bếp nhà chị K lấy một chiếc kéo sắt và một cao dao thái đem ra cắt lớp vỏ két thành nhiều mảnh và đem cất giấu các mảnh vỏ này vào trong tủ gỗ tại hành lang cầu thang bộ tầng 15. Phần lõi két T bọc vào chiếc vỏ chăn đem lên nóc sân thượng chung cư tiếp tục dùng dao kéo cạy phá lõi két lấy được 1.870.000đ (gồm hai tệp tiền mệnh giá 5000đ và 2000đ). T ăn tiêu cá nhân hết 319.000đ, số tiền còn lại T đem đổi cho bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của T lấy tiền các loại mệnh giá để chi tiêu nhưng chưa kịp ăn tiêu thì bị phát hiện. T đã tự giác giao nộp số tiền còn lại 1.596.000đ

Ngày 04/02/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, đã xác định chiếc két sắt trị giá 810.000đ. Chị K đã nhận lại số tiền 1.596.000đ, số tiền còn lại 319.000đ và tiền bồi thường chiếc két sắt chị K không yêu cầu T phải bồi thường.

Đối với chị Nguyễn Thị N là người cho T đổi tiền. Quá trình điều tra chị N không biết là tiền do T phạm tội nên Cơ quan Công an nhắc nhở rút kinh nghiệm.

Tại bản cáo trạng số 105/CT-VKS-KT ngày 20 tháng 3 N 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiền hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 10h ngày 23/01/2020, Nguyễn Văn T đã trộm cắp của gia đình chị Trịnh Thị K 1.915.000đ tiền mặt và 01 chiếc két sắt trị giá 810.000đ. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt là 2.725.000đ

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội " Trộm cắp tài sản". Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã nhanh chóng lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến trật tự trị an nói chung mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân nói riêng, do đó cần đ- ợc xử lý nghiêm minh.

[4] Trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Mặc dù bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng sau khi phạm tội ở vụ án này bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới. Điều đó chứng tỏ bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật. Với tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo thì việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

Tuy nhiên, khi áp dụng hành phạt cần căn cứ điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại

Do bị cáo phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần căn cứ Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trịnh Thị K đã nhận lại số tiền 1.596.000đ, số tiền còn lại 319.000đ và tiền bồi thường chiếc két sắt chị không yêu cầu T phải bồi thường nên công nhận phần dân sự đã được giải quyết xong.

[6] Về vật chứng: Đối với một kéo sắt cầm tay nhỏ, tay cầm nhựa màu cam; một cao dao thái dài khoảng 38cm; một chiếc chăn lông hoa mùa đỏ cũ; một két sắt bị cắt rời từng mảnh vỏ bên ngoài, phần hộp ruột bên trong két bị đục thủng phần mặt sau, nắp trên và dưới thân két bị cắt tháo rời không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy. Căn cứ khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ vào:** khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS. Khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên bố**: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản"

**Xử phạt**: Nguyễn Văn T 05 (N) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

*Về trách nhiệm dân sự*: Công nhận phần dân sự giữa bị cáo và chị Trịnh Thị K đã được giải quyết xong.

*Về vật chứng*: Tịch thu, tiêu hủy một kéo sắt cầm tay nhỏ, tay cầm nhựa màu cam; một cao dao thái dài khoảng 38cm; một chiếc chăn lông hoa mùa đỏ cũ; một két sắt bị cắt rời từng mảnh vỏ bên ngoài, phần hộp ruột bên trong két bị đục thủng phần mặt sau, nắp trên và dưới thân két bị cắt tháo rời.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 124/THA ngày 29/4/2020).

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Thị Thủy**

***Nơi nhận:***
- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.